TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ–ST
Ngày: 09-4-2019
V/v tranh chấp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Oanh Kiều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân;

2. Bà Phạm Thị Nhinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 608/2018/TLST–HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969;

Cư trú tại: Tổ 3, ấp S, xã T, huyện B, tỉnh N.

2. Bị đơn: Ông Lý Văn N, sinh năm 1974;

Cư trú tại: Tổ 3, ấp S, xã T, huyện B, tỉnh N.

Bà S, ông N đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị S trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Lý Văn N tự nguyện chung sống vợ chồng năm 1989 đến nay, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống những năm đầu hạnh phúc nhưng từ năm 2003 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, chi tiêu trong gia đình và ông N thường xuyên uống rượu, chửi mắng đánh đập bà. Ông bà không còn chung sống từ năm 2003 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông N.

- Về con chung: Bà và ông N có 02 con chung là Lý Thị Kim M, sinh ngày 25/8/1990 và Lý Ngọc A, sinh ngày 26/4/1995. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành nên bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn ông Lý Văn N trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị S chung sống vợ chồng từ năm 1989 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2003 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Do bà S đã bỏ nhà đi từ đó đến nay nên ông đồng ý ly hôn với bà S.

- Về con chung: Ông và bà S có có 02 con chung là Lý Thị Kim M, sinh ngày 25/8/1990 và Lý Ngọc A, sinh ngày 26/4/1995. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành nên ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S và bị đơn ông Lý Văn N: Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Nhận thấy bà Nguyễn Thị S và ông Lý Văn N chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1989 đến nay không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Nguyễn Thị S và ông Lý Văn N là vợ chồng;

Về con chung: Cháu Lý Thị Kim M, sinh ngày 25/8/1990 và Lý Ngọc A, sinh ngày 26/4/1995, đã thành niên không đặt ra giải quyết;

Về tài sản chung và nợ chung: Bà S và ông N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết;

Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị S và ông Lý Văn N đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà S, ông N.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Lý Văn N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình và Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận bà S và ông N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà S và ông N có 02 con chung là Lý Thị Kim M, sinh ngày 25/8/1990 và Lý Ngọc A, sinh ngày 26/4/1995. Hiện nay 02 cháu đã trưởng thành và bà S, ông N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà S, ông N không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị S và ông Lý Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Lý Văn N có 02 con chung là Lý Thị Kim M, sinh ngày 25/8/1990 và Lý Ngọc A, sinh ngày 26/4/1995. Các con chung đã trưởng thành bà S, ông N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Lý Văn N không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0005925 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; Bà S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Phòng Ktr-NV-THA, Tòa án tỉnh TN;
- VKS cùng cấp, cấp trên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (L).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Oanh Kiều